

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5-VĨNH LONG  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/DS-ST  
Ngày: 30-01-2026  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em
2. Bà Trần Thị Ngọc Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 278/2025/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1966; Số CCCD: 083166012059, cấp ngày 10/5/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1976; Số CCCD: 083076022265, cấp ngày 20/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1978; Số CCCD: 083178017020, cấp ngày 09/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; (Vắng mặt)

3. Ông Phạm Duy Q, sinh năm 2002; (Vắng mặt)  
Cùng nơi cư trú: Số A, ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn trình bày:***

Bà C có cho vợ chồng ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y vay mượn số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, ký tên, nhận tiền vào ngày 15/10/2022, thỏa thuận đến tháng 4/2023 (âm lịch) sẽ trả nợ. Tại biên bản hòa giải của UBND xã T, ông Phạm Thanh B và con ruột là Phạm Duy Q cam kết đến ngày 31/12/2024 sẽ trả cho bà C 50.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả đủ đến ngày 30/6/2025. Nhưng đến thời điểm hiện tại, ông B, bà Y, ông Q không trả nợ cho bà C như cam kết. Bà Phạm Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q liên đới trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

***Bị đơn bà ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q vắng mặt, không có trình bày.***

### ***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C đối với ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q liên đới trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Phạm Thị Kim C tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tại giấy mượn tiền ngày

15/10/2022; biên bản hòa giải ngày 10/6/2024 của UBND xã T và công văn trả lời xác minh của công an xã T, tỉnh Vĩnh Long đều thể hiện địa chỉ nơi cư trú của ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Việc ông B, bà Y, ông Q đi khỏi địa phương, không thông báo địa chỉ nơi ở mới là cố tình che giấu địa chỉ. Tòa án tiếp tục xét xử theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn với ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q có nơi cư trú tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q liên đới trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; không yêu cầu tính lãi.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Phạm Thị Kim C cung cấp bản chính tờ giấy tập viết tay giấy mượn tiền ngày 15/10/2022 có chữ ký của ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Hồng Y1 và biên bản hòa giải ngày 10/6/2024 của UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long có nội dung thừa nhận và cam kết trả nợ, có chữ ký của ông Phạm Thanh B và ông Phạm Duy Q. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng toàn bộ hồ sơ khởi kiện (photo) của nguyên đơn cho bị đơn. Bị đơn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày, phản hồi lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Điều này cho thấy bị đơn mặc nhiên thừa nhận còn nợ bà C số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng như nguyên đơn yêu cầu. Về trách nhiệm liên đới: căn cứ Trích lục kết hôn số 1044/2025/TLKH-BS ngày 05/12/2025 và Bản sao giấy khai sinh của Phạm Duy Q do UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long cung cấp thể hiện ông B và bà Y1 có đăng ký kết hôn, là vợ chồng hợp pháp, số tiền nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và ông Phạm Duy Q là con của ông B và bà Y1. Tại biên bản hòa giải của UBND xã T có nội dung cam kết trả nợ và có chữ ký xác nhận của ông Phạm Duy Q. Do đó, với ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà C là phù hợp quy định pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định ông Phạm

Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q còn nợ bà Phạm Thị Kim C số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Do đó, Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C buộc với ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q liên đới trả số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Bà Phạm Thị Kim C tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q phải liên đới chịu án phí theo quy định.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Kim C.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:*

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;
- Điều 7; Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C đối với ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền vay còn nợ là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Phạm Thị Kim C tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

- Ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng Y, ông Phạm Duy Q phải liên đới chịu là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0007755 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- VKSND Khu vực 5-Vĩnh Long;
- UBND xã Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Hiền**